

Số: 991 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 07 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-ĐHNT ngày 21/12/2024 của Hội đồng trường về việc giao thực hiện nhiệm vụ phụ trách Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 645 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 05 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy (Chương trình đặc biệt)

TT	Ngành tốt nghiệp	K61 2019-2023	K62 2020-2024	K63 2021-2025	Cộng
1	Kế toán			06	06
2	Quản trị khách sạn	02	04	05	11
3	Quản trị kinh doanh			03	03
4	Công nghệ thông tin			07	07

B. Đại học chính quy (Chương trình chuẩn)

TT	Ngành tốt nghiệp	K59 2017-2021	K60 2018-2022	K61 2019-2023	K62 2020-2024	K63 2021-2025	Cộng
1	Kế toán	01			09	20	30
2	Tài chính – Ngân hàng				02	16	18
3	Kinh doanh thương mại	01		01	05	69	76
4	Kinh tế				03	08	11
5	Kinh tế phát triển				12	23	35
6	Marketing				03	17	20
7	Quản trị kinh doanh			02	01	40	43
8	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01	01	02	02	19	25
9	Quản trị khách sạn			03	01	06	10
10	Công nghệ chế tạo máy			01			01
11	Khoa học hàng hải					12	12
12	Kỹ thuật cơ khí			02	02	06	10
13	Kỹ thuật cơ khí động lực				05	03	08
14	Kỹ thuật cơ điện tử				03	05	08
15	Kỹ thuật nhiệt				03	10	13
16	Kỹ thuật ô tô	01	04	03	12	31	51
17	Kỹ thuật tàu thủy					02	02
18	Ngôn ngữ Anh		03	05	07	33	48
19	Công nghệ chế biến thủy sản					05	05
20	Công nghệ thực phẩm		01	03	04	10	18
21	Kỹ thuật hoá học					02	02
22	Công nghệ sinh học				01	02	03
23	Kỹ thuật môi trường				01		01
24	Khai thác thủy sản				01		01
25	Quản lý thủy sản				01	02	03
26	Nuôi trồng thủy sản			01	08	03	12
27	Công nghệ thông tin			01	21	25	47
28	Hệ thống thông tin quản lý	01	02	01	13	07	24
29	Luật				01	43	44
30	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử			02			02
31	Kỹ thuật điện				10	13	23
32	Kỹ thuật xây dựng		02	01	02	05	10

C. Đại học chính quy (Liên thông từ trung cấp)

TT	Ngành tốt nghiệp	K61 2019-2022	Cộng
1	Kế toán	01	01

D. Đại học chính quy (Bằng 2)

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018-2020	Cộng
1	Kế toán	01	01

E. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018-2021	K61 2019-2022	Cộng
1	Kế toán		03	03
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01		01
3	Quản trị khách sạn		01	01

Điều 2. Các ông/bà Trưởng phòng, khoa, viện có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ju*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2025

Theo Quyết định số 994 /QĐ-ĐHNT ngày 07 tháng 7 năm 2025

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

A. Chương trình đặc biệt

1. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63131838	Trần Thị Hải Anh ✓	29/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KT-CLC	2021-2025
2	63136340	Phan Thị Ngọc Huệ ✓	26/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.KT-CLC	2021-2025
3	63134257	Nguyễn Khánh Huyền ✓	28/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KT-CLC	2021-2025
4	63134959	Phạm Nguyễn Yến Nhi ✓	12/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.KT-CLC	2021-2025
5	63136284	Tổng Nguyễn Khánh Tiên ✓	28/04/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KT-CLC	2021-2025
6	63135717	Hoàng Công Tín ✓	12/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.KT-CLC	2021-2025

Danh sách có 6 sinh viên

2. Quản trị khách sạn

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61133419	Lê Thị Ngọc Châu ✓	16/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-CLC	2019-2023
2	61132852	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi ✓	01/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-CLC	2019-2023
3	62133800	Vũ Ngọc Gia Huy ✓	18/08/2002	Hải Phòng	Nam	Giỏi	62.QTKS-CLC	2020-2024
4	62133871	Lê Nguyễn Ngọc Linh ✓	07/11/2002	Lâm Đồng	Nữ	Khá	62.QTKS-CLC	2020-2024
5	62133135	Đinh Yến Ngân ✓	06/01/2002	Khánh Hòa	Nữ	Khá	62.QTKS-CLC	2020-2024
6	62139006	Nguyễn Hoàng Phúc ✓	05/04/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.QTKS-CLC	2020-2024
7	63133753	Lê Ngọc Dũng ✓	04/04/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKS-CLC	2021-2025
8	63132955	Trần Hải Nhật Huy ✓	04/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKS-CLC	2021-2025
9	63130557	Đoàn Bảo Khang ✓	08/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	63.QTKS-CLC	2021-2025
10	63130738	Nguyễn Như Hoàng Minh ✓	22/06/2003	Hà Nội	Nam	Giỏi	63.QTKS-CLC	2021-2025
11	63135169	Trần Ngọc Khánh Phương ✓	17/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.QTKS-CLC	2021-2025

Danh sách có 11 sinh viên

3. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63132919	Huỳnh Minh Thiện ✓	17/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKD-CLC	2021-2025
2	63136065	Nguyễn Thị Hải Vân ✓	31/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-CLC	2021-2025
3	63131720	Nguyễn Minh Vũ ✓	26/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKD-CLC	2021-2025

Danh sách có 03 sinh viên

4. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63133716	Trần Thái Ngọc Đô ✓	18/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNTT-CLC	2021-2025
2	63135210	Dương Trung Quốc ✓	12/02/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNTT-CLC	2021-2025
3	63135353	Giáp Văn Tài ✓	22/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	63.CNTT-CLC	2021-2025
4	63131236	Nguyễn Quốc Thái ✓	09/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	63.CNTT-CLC	2021-2025
5	63132986	Nguyễn Ngọc Anh Thư ✓	11/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.CNTT-CLC	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
6	63135615	Phùng Nguyễn Anh Thư ✓	28/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.CNTT-CLC	2021-2025
7	63132691	Trần Anh Tín ✓	23/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNTT-CLC	2021-2025

Danh sách có 07 sinh viên

B. Chương trình chuẩn

1. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62130072	Vũ Thế Anh ✓	09/11/2002	Thái Bình	Nam	Trung bình	62.KT-1	2020-2024
2	62131401	Lê Ngọc Nhi ✓	19/07/2002	Khánh Hòa	Nữ	Khá	62.KT-1	2020-2024
3	62132272	Huỳnh Thị Kiều Trâm ✓	22/11/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KT-1	2020-2024
4	62132352	Nguyễn Thị Quỳnh Trang ✓	19/10/2002	Thanh Hóa	Nữ	Trung bình	62.KT-2	2020-2024
5	62132615	Mai Hạ Uyên ✓	08/03/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KT-2	2020-2024
6	62131187	Đỗ Thị Ngọc Nga ✓	04/10/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KT-3	2020-2024
7	62132667	Nguyễn Việt Văn ✓	19/09/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.KT-3	2020-2024
8	62130222	Huỳnh Quốc Đạt ✓	18/03/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KT-4	2020-2024
9	62130716	Nguyễn Thị Diễm Hương ✓	17/11/2002	Phú Yên	Nữ	Trung bình	62.KT-4	2020-2024
10	63133820	Nguyễn Thị Duyên ✓	02/07/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Trung bình	63.KT-1	2021-2025
11	63132889	Nguyễn Phan Diệu Linh ✓	12/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-1	2021-2025
12	63131271	Huỳnh Thị Ngọc Thảo ✓	08/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-1	2021-2025
13	63131296	Trần Thị Thu Thảo ✓	10/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KT-1	2021-2025
14	63132628	Đỗ Thị Trúc Thơ ✓	23/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-1	2021-2025
15	63135678	Nguyễn Hà Thủy Tiên ✓	10/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-1	2021-2025
16	63131670	Nguyễn Thị Thu Uyên ✓	29/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-1	2021-2025
17	63133443	Nguyễn Thị Kim Anh ✓	11/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KT-2	2021-2025
18	63130504	Trần Kim Hường ✓	11/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-2	2021-2025
19	63134272	Trần Thị Thu Huyền ✓	06/11/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KT-2	2021-2025
20	63134449	Hà Thị Thùy Linh ✓	02/08/2003	Thanh Hóa	Nữ	Trung bình	63.KT-2	2021-2025
21	63130771	Nguyễn Thị Út My ✓	27/04/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.KT-2	2021-2025
22	63132553	Ngô Như Tâm ✓	10/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-2	2021-2025
23	63131386	Võ Phạm Minh Thư ✓	25/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-2	2021-2025
24	63131398	Lê Mai Thương ✓	30/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-2	2021-2025
25	63131594	Nguyễn Thanh Trúc ✓	04/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KT-2	2021-2025
26	59131558	Nguyễn Hoàng Kim Ngân ✓	12/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KIT	2017-2021
27	63130043	Lê Thị Kim Anh ✓	26/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KIT	2021-2025
28	63133644	Kiều Phát Đạt ✓	11/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KIT	2021-2025
29	63132212	Lê Khánh Linh ✓	05/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KIT	2021-2025
30	63136194	Võ Thúy Vy ✓	24/10/2003	Bình Định	Nữ	Khá	63.KIT	2021-2025

Danh sách có 30 sinh viên

2. Tài chính -Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62133828	Trương Trùng Khánh	08/09/2002	TP Hồ Chí Minh	Nam	Trung bình	62.TCNH-1	2020-2024
2	62134079	Võ Đoàn Hạ Ny	07/08/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.TCNH-1	2020-2024
3	63130341	Võ Huỳnh Phong Hải	14/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.TCNH-1	2021-2025
4	63132499	Mai Anh Quốc	01/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.TCNH-1	2021-2025
5	63130101	Nguyễn Thị Ngọc Bích	24/05/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.TCNH-2	2021-2025
6	63130552	Nguyễn Lộc Thái Kha	31/12/2003	Đồng Nai	Nữ	Khá	63.TCNH-2	2021-2025
7	63135018	Nguyễn Hồng Nhung	06/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.TCNH-2	2021-2025
8	63131045	Đỗ Hữu Phúc	04/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.TCNH-2	2021-2025
9	63133296	Trương Trần Anh Quân	10/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.TCNH-2	2021-2025
10	63131257	Nguyễn Võ Yển Thanh	15/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.TCNH-2	2021-2025
11	63131388	Hoàng Văn Thuận	03/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.TCNH-2	2021-2025
12	63135661	Nguyễn Hoài Nhược Thủy	31/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.TCNH-2	2021-2025
13	63135683	Nguyễn Thuỵ Thuỷ Tiên	09/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.TCNH-2	2021-2025
14	63131690	Phan Thị Thanh Vân	04/06/2003	An Giang	Nữ	Khá	63.TCNH-2	2021-2025
15	63134087	Phạm Xuân Hoàng	12/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.TCNH-3	2021-2025
16	63134668	Nguyễn Trần Khánh Mỹ	19/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.TCNH-3	2021-2025
17	63132426	Lê Đăng Phương Oanh	29/03/2003	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	63.TCNH-3	2021-2025
18	63131189	Văn Thị Phụng Quỳnh	28/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.TCNH-3	2021-2025

Danh sách có 18 sinh viên

3. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59136147	Ngô Quốc Đạt	03/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KDTM-1	2017-2021
2	61133024	Phan Trần Lan Anh	30/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.KDTM-2	2019-2023
3	62131305	Nguyễn Thúy Ngọc	28/12/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KDTM-1	2020-2024
4	62133038	Lê Văn Hùng	20/08/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KDTM-2	2020-2024
5	62132865	Lã Bình Nhung	18/02/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KDTM-2	2020-2024
6	62132557	Trần Quốc Tùng	04/03/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KDTM-2	2020-2024
7	62132770	Nguyễn Phan Yển Vy	19/08/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KDTM-2	2020-2024
8	63130020	Nguyễn Thị Thanh Ân	14/06/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
9	63133511	Phạm Ngọc Bích	01/11/2003	Nam Định	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
10	63130116	Lê Hoàng Châu	17/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
11	63130125	Trương Nguyễn Bảo Châu	05/08/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
12	63133547	Từ Mộng Đoan Châu	27/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
13	63130215	Trần Thị Diệu	21/04/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
14	63133764	Võ Huỳnh Quốc Dũng	26/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
15	63131989	Vũ Thị Châu Giang	18/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
16	63131997	Võ Thị Kim Hà	25/06/2003	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
17	63132056	Phạm Thị Ngọc Hiếu	14/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
18	63134040	Trần Thanh Hoa	21/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
19	63134062	Lê Gia Hoài	21/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
20	63130469	Nguyễn Thị Thanh Huệ	11/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
21	63130498	Phạm Diệu Hương	23/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
22	63130632	Võ Thị Cẩm Lệ	14/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
23	63130644	Lê Diệp Bảo Linh	01/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
24	63130702	Nguyễn Khánh Ly	23/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
25	63130720	Trần Ngọc Mai	31/01/2003	Vũng Tàu	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
26	63132282	Nguyễn Huỳnh Thảo My	24/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
27	63130770	Nguyễn Thị Trà My	19/07/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
28	63134640	Nguyễn Hàm My	11/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
29	63130933	Huỳnh Thái Nguyệt Nhi	06/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
30	63130961	Trần Phạm Phương Nhi	30/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
31	63134994	Nguyễn Thị Quỳnh Như	27/07/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
32	63131148	Trương Tú Quyên	24/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.KDTM-1	2021-2025
33	63131472	Đỗ Ngọc Bảo Trâm	02/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
34	63135784	Võ Huy Ngọc Trâm	22/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.KDTM-1	2021-2025
35	63131498	Đào Vũ Bảo Trân	04/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
36	63131573	Nguyễn Phương Thùy Trinh	18/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
37	63131669	Nguyễn Thị Kim Uyên	02/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
38	63131676	Trần Thị Thu Uyên	14/12/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
39	63131731	Khổng Hoàng Vy	12/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
40	63131762	Huỳnh Mỹ Xuân	07/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-1	2021-2025
41	63131791	Lê Ngọc Yến	20/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-1	2021-2025
42	63130082	Nguyễn Thị Thanh Băng	02/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.KDTM-2	2021-2025
43	63130109	Phạm Hương Bình	03/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
44	63131933	Trần Thị Xuân Diệu	27/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
45	63130180	Lương Huỳnh Đạt	28/03/2003	Phú Yên	Nam	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
46	63130346	Hồ Ngọc Bảo Hân	20/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
47	63134096	Nguyễn Lê Minh Hồng	06/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
48	63130558	Huỳnh Bá Khang	23/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
49	63130608	Đoàn Thị Diễm Kiều	25/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
50	63130656	Nguyễn Thị Khánh Linh	24/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
51	63130657	Nguyễn Thị Mỹ Linh	05/05/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
52	63134638	Lâm Minh Trà My	18/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
53	63134670	Huỳnh Ngọc Ni Na	07/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
54	63130864	Hồ Tiểu Ngọc	07/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
55	63130915	Nguyễn Cao Thiện Nhân	12/01/2003	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
56	63130972	Nguyễn Đào Huỳnh Như	20/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
57	63135017	Mai Thị Hồng Nhung ✓	15/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
58	63132441	Huỳnh Gia Phong ✓	21/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
59	63131070	Đỗ Lan Phương ✓	14/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
60	63131161	Lê Nguyễn Nhật Quỳnh ✓	17/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
61	63131192	Võ Xuân Quỳnh ✓	19/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
62	63131205	Trương Thị Hồng Sáng ✓	15/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
63	63131250	Lê Thanh Thanh ✓	19/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
64	63131295	Trần Thị Thu Thảo ✓	03/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
65	63135491	Trần Thị Thu Thảo ✓	04/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
66	63132614	Hồ Nguyễn Anh Thi ✓	13/02/2003	Bình Định	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
67	63131341	Võ Thị Mỹ Thoa ✓	04/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
68	63132668	Trần Thị Ngọc Thúy ✓	07/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
69	63132673	Trần Nguyễn Thu Thủy ✓	31/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
70	63132677	Nguyễn Thị Cẩm Tiên ✓	14/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
71	63131475	Lê Huỳnh Bảo Trâm ✓	25/04/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
72	63131521	Đỗ Khánh Trang ✓	17/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
73	63132759	Nguyễn Đình Trung ✓	16/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
74	63132786	Nguyễn Nhật Cát Tường ✓	01/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KDTM-2	2021-2025
75	63131721	Nguyễn Thị Yên Vui ✓	29/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KDTM-2	2021-2025
76	63136204	Lê Trường Xuân ✓	05/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.KDTM-2	2021-2025

Danh sách có 76 sinh viên

4. Kinh tế

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62133185	Trương Tiến Phát ✓	04/02/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KTETS	2020-2024
2	62133421	Trương Diễm Quỳnh ✓	24/02/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTETS	2020-2024
3	62132679	Võ Tường Vi ✓	20/05/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTETS	2020-2024
4	63130013	Nguyễn Phạm Thu An ✓	09/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTETS	2021-2025
5	63130360	Phạm Thị Thanh Hân ✓	15/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTETS	2021-2025
6	63134760	Võ Thị Kim Ngân ✓	17/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTETS	2021-2025
7	63133170	Huỳnh Bảo Ngọc ✓	26/03/2003	Bình Định	Nữ	Khá	63.KTETS	2021-2025
8	63131031	Trần Xuân Phong ✓	06/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KTETS	2021-2025
9	63135216	Nguyễn Đình Quốc ✓	19/05/2003	Đắk Lắk	Nam	Khá	63.KTETS	2021-2025
10	63132591	Đặng Phương Thảo ✓	04/02/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.KTETS	2021-2025
11	63136182	Phạm Thị Trúc Vy ✓	15/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTETS	2021-2025

Danh sách có 11 sinh viên

5. Kinh tế phát triển

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62130021	Cao Thiên Ân ✓	12/02/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KTPT-1	2020-2024
2	62133654	Hoàng Ngân Hải ✓	11/11/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTPT-1	2020-2024

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
3	62134615	Dương Thu	Hương ✓	11/08/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTPT-1	2020-2024
4	62131027	Hoàng Phi	Long ✓	06/11/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.KTPT-1	2020-2024
5	62131298	Nguyễn Kim	Ngọc ✓	21/01/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTPT-1	2020-2024
6	62131394	Đinh Thúy	Nhi ✓	02/09/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTPT-1	2020-2024
7	62132616	Mai Tú	Uyên ✓	13/04/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTPT-1	2020-2024
8	62131115	Trần Quang	Minh ✓	07/10/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KTPT-2	2020-2024
9	62131257	Võ Xuân	Ngân ✓	11/09/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTPT-2	2020-2024
10	62131389	Văn Tấn	Nhật ✓	23/03/2001	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.KTPT-2	2020-2024
11	62134049	Nguyễn Hà Yến	Nhi ✓	12/07/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.KTPT-2	2020-2024
12	62132541	Trần Quốc	Tuấn ✓	07/10/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KTPT-2	2020-2024
13	63130623	Trương Thị Hoàng	Lam ✓	19/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTPT-1	2021-2025
14	63133349	Nguyễn Thị Kim	Phượng	27/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTPT-1	2021-2025
15	63131157	Đặng Như	Quỳnh ✓	09/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTPT-1	2021-2025
16	63131750	Nguyễn Tường	Vy ✓	11/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTPT-1	2021-2025
17	63133437	Nguyễn Ngọc Phương	Anh ✓	16/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTPT-2	2021-2025
18	63130279	Cao Thụy Mỹ	Duyên ✓	31/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
19	63131947	Lê Trung	Đức ✓	05/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
20	63130397	Phạm Nguyễn Bích	Hào ✓	15/10/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
21	63130448	Huỳnh Huy	Hoài ✓	07/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.KTPT-2	2021-2025
22	63132214	Lê Thị Mỹ	Linh ✓	02/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTPT-2	2021-2025
23	63130723	Võ Thị Xuân	Mai ✓	13/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
24	63130775	Tôn Ngọc Trà	My ✓	22/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTPT-2	2021-2025
25	63133295	Trần Khôi	Nguyễn ✓	04/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
26	63131183	Phan Diễm	Quỳnh ✓	04/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
27	63131226	Trần Thị Mỹ	Tâm ✓	27/06/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KTPT-2	2021-2025
28	63131267	Nguyễn Lâm	Thành ✓	01/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
29	63131358	Phan Thị Ngọc	Thu ✓	02/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTPT-2	2021-2025
30	63131473	Huỳnh Bảo	Trâm ✓	13/09/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.KTPT-2	2021-2025
31	63131500	Đỗ Lê Thanh	Trân ✓	24/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
32	63132735	Biện Thị Minh	Triệu ✓	22/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
33	63132791	Nguyễn Mai Anh	Tuyến ✓	21/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTPT-2	2021-2025
34	63131756	Võ Thị Tường	Vy ✓	14/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KTPT-2	2021-2025
35	63131766	Bùi Thị Như	Ý ✓	25/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KTPT-2	2021-2025

Danh sách có 35 sinh viên

6. Marketing

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62132302	Châu Ngọc	Trân ✓	16/01/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.MARKT-1	2020-2024
2	62134502	Mai Quang	Vinh ✓	01/05/2002	Bình Định	Nam	Trung bình	62.MARKT-1	2020-2024
3	62131369	Lê Trọng	Nhân ✓	12/01/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.MARKT-2	2020-2024

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
4	63131831	Phạm Thị Phương Anh ✓	18/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-1	2021-2025
5	63131951	Nguyễn Võ Hữu Đức ✓	13/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.MARKT-1	2021-2025
6	63132908	Phan Gia Hân ✓	13/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.MARKT-1	2021-2025
7	63130997	Trần Minh Nhựt ✓	04/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.MARKT-1	2021-2025
8	63132647	Trần Diệp Anh Thư ✓	12/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-1	2021-2025
9	63136387	Phạm Trần Thủy Tiên ✓	24/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-1	2021-2025
10	63132888	Phùng Đình Trường ✓	10/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	63.MARKT-1	2021-2025
11	63131788	Trần Thanh Yên ✓	11/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-1	2021-2025
12	63130668	Trần Thị Nhật Linh ✓	20/10/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.MARKT-2	2021-2025
13	63130840	Tưởng Hồ Hiếu Ngân ✓	26/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-2	2021-2025
14	63131775	Nguyễn Thanh Như Ý ✓	26/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-2	2021-2025
15	63130409	Trần Thị Mỹ Hậu ✓	28/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-3	2021-2025
16	63131362	Huỳnh Nguyễn Minh Thư ✓	15/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-3	2021-2025
17	63131380	Phạm Anh Thư ✓	16/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-3	2021-2025
18	63135857	Cao Tiến Triển ✓	26/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.MARKT-3	2021-2025
19	63133251	Nguyễn Thị Thảo Vân ✓	14/02/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.MARKT-3	2021-2025
20	63131689	Nguyễn Tuyết Vân ✓	13/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.MARKT-3	2021-2025

Danh sách có 20 sinh viên

7. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61133898	Nguyễn Văn Lợi ✓	06/03/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKD-2	2019-2023
2	61130218	Vũ Thị Dương Giang ✓	16/09/2001	Thái Nguyên	Nữ	Trung bình	61.QTKD-4	2019-2023
3	62132939	Trương Phú Bằng ✓	11/10/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.QTKD-4	2020-2024
4	63130051	Nguyễn Thảo Anh ✓	30/07/2003	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	63.QTKD-1	2021-2025
5	63133776	Nguyễn Thùy Dương ✓	26/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTKD-1	2021-2025
6	63133795	Huỳnh Hồ Trung Duy ✓	16/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKD-1	2021-2025
7	63130926	Đỗ Nguyễn Tuyết Nhi ✓	16/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTKD-1	2021-2025
8	63135114	Phùng Đức Phúc ✓	20/04/2003	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	63.QTKD-1	2021-2025
9	63131251	Lê Thị Hồng Thanh ✓	20/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-1	2021-2025
10	63132703	Mai Thanh Trâm ✓	03/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-1	2021-2025
11	63132774	Nguyễn Ngọc Thảo Tú ✓	13/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-1	2021-2025
12	63131745	Nguyễn Thảo Vy ✓	18/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-1	2021-2025
13	63130248	Nguyễn Thị Thùy Dương ✓	27/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
14	63131984	Hồ Kiều Quỳnh Giang ✓	19/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTKD-2	2021-2025
15	63130479	Lê Minh Hưng ✓	22/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.QTKD-2	2021-2025
16	63132100	Nguyễn Diễm Hương ✓	02/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
17	63132314	Nguyễn Thị Yến Nga ✓	27/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
18	63132337	Nguyễn Hữu Nghĩa ✓	13/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
19	63135125	Trần Ngọc Kim Phụng ✓	11/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTKD-2	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
20	63132529	Trần Thị Như Quỳnh ✓	23/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
21	63131293	Nguyễn Thị Thu Thảo ✓	30/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
22	63135503	Nguyễn Ánh Lan Thi ✓	02/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
23	63131468	Trần Thị Anh Trà ✓	13/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
24	63132921	Trần Thị Hiền Trâm ✓	02/10/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
25	63131517	Võ Ngọc Hoàng Trân ✓	29/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
26	63131580	Ngô Lê Khả Trình ✓	24/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTKD-2	2021-2025
27	63136022	Nguyễn Thị Kim Ứng ✓	24/01/2003	Gia Lai	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
28	63131686	Lương Thị Thanh Vân ✓	27/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-2	2021-2025
29	63131698	Huỳnh Thị Tuyết Vi ✓	08/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.QTKD-2	2021-2025
30	63130094	Vương Gia Bảo ✓	07/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
31	63130261	Hàng Trịnh Đăng Duy ✓	11/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
32	63132040	Trần Thị Thu Hiền ✓	01/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
33	63134234	Phạm Quang Huy ✓	10/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
34	63134250	Võ Tấn Huy ✓	30/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	63.QTKD-3	2021-2025
35	63134473	Nguyễn Nhật Linh ✓	27/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTKD-3	2021-2025
36	63130923	Bùi Thảo Nhi ✓	23/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
37	63134915	Bùi Mai Uyên Nhi ✓	05/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
38	63130993	Phạm Thị Hồng Nhung ✓	23/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTKD-3	2021-2025
39	63131156	Bùi Như Cát Quỳnh ✓	20/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
40	63135603	Nguyễn Ngọc Minh Thư ✓	01/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
41	63131568	Lý Thị Diễm Trinh ✓	10/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTKD-3	2021-2025
42	63135920	Nguyễn Thị Thanh Trúc ✓	11/10/2003	Gia Lai	Nữ	Khá	63.QTKD-3	2021-2025
43	63131727	Đỗ Nguyễn Thảo Vy ✓	12/05/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.QTKD-3	2021-2025

Danh sách có 43 sinh viên

8. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59130791	Lê Hoàn ✓	12/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTDL	2017-2021
2	60136340	Trương Thảo Nguyên ✓	01/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.QTDL-1	2018-2022
3	61130792	Lê Hồ Ngọc Như ✓	19/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.QTDL-2	2019-2023
4	62133781	Cao Ngọc Minh Huy ✓	10/10/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.QTDL-2	2020-2024
5	63131925	Võ Thị Hồng Diễm ✓	01/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTDL-1	2021-2025
6	63134221	Nguyễn Phạm Quốc Huy ✓	06/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTDL-1	2021-2025
7	63133048	Trần Nguyễn Tuấn Kiệt ✓	10/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTDL-1	2021-2025
8	63134403	Nguyễn Phan Hoàng Lam ✓	09/06/2003	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Khá	63.QTDL-1	2021-2025
9	63132237	Phạm Thiên Long ✓	05/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.QTDL-1	2021-2025
10	63135336	Nguyễn Tùng Sơn ✓	20/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.QTDL-1	2021-2025
11	63131919	Nguyễn Quốc Đạt ✓	16/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTDL-2	2021-2025
12	63134423	Võ Thị Bích Lan ✓	08/02/2003	Đắk Lắk	Nữ	Khá	63.QTDL-2	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
13	63133315	Hồ Thị Diệu Lý ✓	08/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTDL-2	2021-2025
14	63134903	Trần Thanh Nhân ✓	09/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.QTDL-2	2021-2025
15	63130921	Nguyễn Tiến Nhật ✓	06/12/2003	Phú Yên	Nam	Khá	63.QTDL-2	2021-2025
16	63131605	Lê Nguyễn Nhật Trường ✓	07/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTDL-2	2021-2025
17	61132847	Lê Thị Hồng Lam ✓	09/07/2001	Phú Yên	Nữ	Trung bình	61.QTDLP	2019-2023
18	62133471	Đỗ Trần Thủy Tiên ✓	20/12/2002	Gia Lai	Nữ	Trung bình	62.QTDLP	2020-2024
19	63133180	Nguyễn Thị Thùy Linh ✓	22/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTDLP	2021-2025
20	63136281	Nguyễn Thị Hồng Nhung ✓	03/03/2003	Gia Lai	Nữ	Khá	63.QTDLP	2021-2025
21	63132974	Lê Hoàng Ánh Quân ✓	30/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTDLP	2021-2025
22	63132666	Phạm Huỳnh Thanh Thúy ✓	11/05/2003	An Giang	Nữ	Khá	63.QTDLP	2021-2025
23	63132720	Nguyễn Hoàng Thiên Trang ✓	19/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QTDLP	2021-2025
24	63136382	Đỗ Thị Cẩm Tú ✓	11/08/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.QTDLP	2021-2025
25	63131679	Võ Tú Uyên ✓	17/05/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.QTDLP	2021-2025

Danh sách có 25 sinh viên

9. Quản trị Khách sạn

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61131976	Nguyễn Khánh Nhân ✓	18/02/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
2	61132574	Đỗ Đức Cường ✓	09/11/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
3	61133140	Bùi Thị Nhung ✓	10/09/2001	Ninh Thuận	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
4	62130790	Nguyễn Khánh Huyền ✓	30/05/2002	Thanh Hóa	Nữ	Khá	62.QTKS-3	2020-2024
5	63130312	Nguyễn Thị Lê Giang ✓	16/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKS-1	2021-2025
6	63130647	Lương Lưu Ngọc Linh ✓	19/03/2003	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Khá	63.QTKS-1	2021-2025
7	63135221	Trần Hồ Quốc ✓	19/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.QTKS-1	2021-2025
8	63131520	Đỗ Huyền Trang ✓	09/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKS-1	2021-2025
9	63132947	Phạm Nguyễn Như Hoa ✓	11/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QTKS-2	2021-2025
10	63130843	Vũ Phạm Kim Ngân ✓	21/12/2003	Thái Bình	Nữ	Khá	63.QTKS-2	2021-2025

Danh sách có 10 sinh viên

10. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61132476	Hồ Ngọc Tuấn Anh ✓	13/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.CTM	2019-2023

Danh sách có 01 sinh viên

11. Khoa học hàng hải

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63130777	Trần Thị Kiều My ✓	23/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KHHH-1	2021-2025
2	63131067	Trần Thị Phước ✓	22/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KHHH-1	2021-2025
3	63132704	Nguyễn Hoàng Khánh Trâm ✓	20/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.KHHH-1	2021-2025
4	63133139	Phạm Đình Tuấn ✓	31/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KHHH-1	2021-2025
5	63131794	Nguyễn Thị Ngọc Yến ✓	10/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KHHH-1	2021-2025
6	63131807	Võ Thị Tuyết Ân ✓	10/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KHHH-2	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
7	63130114	Phạm Thị Ngọc Châm ✓	12/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KHHH-2	2021-2025
8	63133623	Phạm Ngọc Anh Đăng ✓	12/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KHHH-2	2021-2025
9	63130338	Nguyễn Tuấn Hải ✓	29/11/2003	TP Hồ Chí Minh	Nam	Trung bình	63.KHHH-2	2021-2025
10	63132118	Ngô Quang Huy ✓	03/04/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KHHH-2	2021-2025
11	63133068	Đoàn Thị Gia Ngân ✓	24/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.KHHH-2	2021-2025
12	63131040	Tổng Hoàng Vĩnh Phú ✓	04/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KHHH-2	2021-2025

Danh sách có 12 sinh viên

12. Kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61133076	Đỗ Phi Hoàng ✓	27/05/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	61.KTCK	2019-2023
2	61132686	Trương Văn Tâm ✓	07/12/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.KTCK	2019-2023
3	62130498	Nguyễn Nhi Hào ✓	14/01/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KTCK	2020-2024
4	62130841	Đào Văn Khánh ✓	09/12/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.KTCK	2020-2024
5	63134102	Huỳnh Ngọc Huân ✓	09/11/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.KTCK	2021-2025
6	63132089	Hoàng Quốc Hưng ✓	03/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KTCK	2021-2025
7	63130578	Trần Văn Khánh ✓	20/10/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.KTCK	2021-2025
8	63133306	Trương Thành Quang ✓	28/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KTCK	2021-2025
9	63133192	Hồ Văn Quốc ✓	27/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.KTCK	2021-2025
10	63132563	Phạm Quốc Thái ✓	20/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.KTCK	2021-2025

Danh sách có 10 sinh viên

13. Kỹ thuật cơ khí động lực

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63136296	Lê Quang Điền ✓	28/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CKDL	2021-2025
2	63133055	Võ Văn Lợi ✓	22/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CKDL	2021-2025
3	63136282	Đặng Thanh Quang ✓	05/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CKDL	2021-2025
4	62139045	Lương Minh Khải ✓	31/10/2002	Kiên Giang	Nam	Trung bình	62.DLOT-KG	2020-2024
5	62139048	Nguyễn Duy Khương ✓	16/03/2002	Kiên Giang	Nam	Trung bình	62.DLOT-KG	2020-2024
6	62139087	Danh Lực ✓	10/03/2002	Kiên Giang	Nam	Trung bình	62.DLOT-KG	2020-2024
7	62139055	Nguyễn Văn Minh Nhật ✓	21/04/2002	Kiên Giang	Nam	Trung bình	62.DLOT-KG	2020-2024
8	62139067	Trần Lê Tân ✓	18/02/2002	Hậu Giang	Nam	Trung bình	62.DLOT-KG	2020-2024

Danh sách có 08 sinh viên

14. Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62130265	Trần Quốc Đình ✓	12/04/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CDT	2020-2024
2	62131565	Đoàn Trọng Phú ✓	03/01/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.CDT	2020-2024
3	62139018	Lê Xuân Tùng ✓	12/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.CDT	2020-2024
4	63133566	Phạm Minh Chiến ✓	18/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CDT	2021-2025
5	63134420	Võ Trúc Lâm ✓	01/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CDT	2021-2025
6	63130716	Nguyễn Công Lý ✓	08/10/2003	Gia Lai	Nam	Trung bình	63.CDT	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
7	63132449	Trần Ngọc Phú	20/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CDT	2021-2025
8	63133240	Lê Phạm Thanh Sang	02/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CDT	2021-2025

Danh sách có 08 sinh viên

15. Kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62133027	Nguyễn Trương Minh Hoàng	26/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNNL	2020-2024
2	62130931	Huỳnh Văn Lập	14/08/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNNL	2020-2024
3	62133284	Từ Hòa Thuận	25/09/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNNL	2020-2024
4	63131850	Nguyễn Huỳnh Quốc Bảo	04/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
5	63133338	Hoàng Mạnh Đình	11/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
6	63132075	Ngô Thanh Hoài	19/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
7	63130556	Đặng Hữu Khang	09/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
8	63130689	Bùi Thành Long	16/12/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
9	63130695	Nguyễn Minh Luân	26/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
10	63132323	Lê Thành Ngân	01/02/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
11	63132495	Đoàn Trần Anh Quốc	29/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
12	63132519	Huỳnh Tấn Quỳnh	19/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025
13	63132766	Lê Nguyễn Trường	10/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNNL	2021-2025

Danh sách có 13 sinh viên

16. Kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59131624	Võ Hoài Nguyên	03/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
2	60135580	Nguyễn Công Minh Hiếu	05/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-2	2018-2022
3	60131361	Nguyễn Văn Hồng	15/02/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
4	60136320	Lê Trí Nguyễn	10/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
5	60136832	Đặng Trần Việt Thắng	06/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNOT-3	2018-2022
6	61130267	Phạm Ngọc Nhật Hào	26/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.CNOT-1	2019-2023
7	61136430	Lê Văn Ninh	14/11/2001	Thái Bình	Nam	Trung bình	61.CNOT-3	2019-2023
8	61134193	Huỳnh Minh Phụng	14/02/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.CNOT-3	2019-2023
9	62130867	Lê Tài Khôi	24/02/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNOT-1	2020-2024
10	62132431	Phạm Quốc Trự	10/07/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNOT-1	2020-2024
11	62130497	Nguyễn Hoàng Hào	25/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNOT-2	2020-2024
12	62130989	Trần Đức Linh	29/09/2002	Quảng Trị	Nam	Trung bình	62.CNOT-2	2020-2024
13	62131803	Huỳnh Tấn Tài	31/07/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.CNOT-2	2020-2024
14	62130198	Nguyễn Tấn Đại	31/07/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNOT-3	2020-2024
15	62132975	Nguyễn Duy	14/12/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNOT-3	2020-2024
16	62131810	Võ Đức Tài	09/03/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNOT-3	2020-2024
17	62133487	Nguyễn Thành An	07/09/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNOT-4	2020-2024
18	62133622	Trần Nguyễn Ngọc Duy	28/08/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNOT-4	2020-2024

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
19	62133711	Nguyễn Vĩnh Hiếu ✓	24/04/2002	Thái bình	Nam	Trung bình	62.CNOT-4	2020-2024
20	62134542	Cao Viết Ý ✓	04/11/2002	Quảng Nam	Nam	Trung bình	62.CNOT-4	2020-2024
21	63134413	Nguyễn Hoài Lâm ✓	24/07/2003	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	63.CNOT-1	2021-2025
22	63132242	Nguyễn Quốc Luân ✓	09/11/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.CNOT-1	2021-2025
23	63135071	Huỳnh Văn Phong ✓	06/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-1	2021-2025
24	63131324	Nguyễn Chí Thiện ✓	31/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-1	2021-2025
25	63135706	Phan Văn Tiến ✓	25/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-1	2021-2025
26	63136113	Nguyễn Thành Vinh ✓	17/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNOT-1	2021-2025
27	63133876	Nguyễn Văn Hải ✓	30/09/2003	Khánh hoà	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
28	63130393	Phạm Hào ✓	11/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
29	63132136	Trần Minh Huy ✓	22/04/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
30	63130598	Hồ Lê Anh Kiệt ✓	05/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNOT-2	2021-2025
31	63134451	Hoàng Duy Linh ✓	20/01/2003	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
32	63130735	Lương Khải Minh ✓	30/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
33	63130852	Trần Thế Gia Nghị ✓	24/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
34	63132436	Trần Văn Ngọc Phát ✓	22/10/2003	Ninh Thuận	Nam	Khá	63.CNOT-2	2021-2025
35	63131057	Nguyễn Thanh Phúc ✓	25/08/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
36	63136319	Kiều Xuân Sơn ✓	17/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
37	63135504	Phan Mạnh Thi ✓	13/10/2003	Phú Yên	Nam	Khá	63.CNOT-2	2021-2025
38	63135934	Nguyễn Văn Trung ✓	20/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNOT-2	2021-2025
39	63135988	Lê Duy Tùng ✓	26/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
40	63136096	Nguyễn Quốc Việt ✓	20/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNOT-2	2021-2025
41	63136224	Trần Công Như Ý ✓	12/05/2003	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	63.CNOT-2	2021-2025
42	63130106	Nguyễn Hải Bình ✓	25/04/2003	Hải Dương	Nam	Khá	63.CNOT-3	2021-2025
43	63133805	Phạm Đăng Duy ✓	23/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-3	2021-2025
44	63133882	Trương Nhật Hải ✓	23/11/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.CNOT-3	2021-2025
45	63133959	Nguyễn Quốc Hậu ✓	14/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-3	2021-2025
46	63132096	Nguyễn Khánh Hưng ✓	12/07/2003	Phú Yên	Nam	Khá	63.CNOT-3	2021-2025
47	63132183	Trần Nguyễn Trung Kiên ✓	11/04/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-3	2021-2025
48	63134897	Nguyễn Lê Thành Nhân ✓	02/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-3	2021-2025
49	63131059	Nguyễn Trí Phúc ✓	29/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-3	2021-2025
50	63135182	Võ Ngọc Phượng ✓	15/10/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.CNOT-3	2021-2025
51	63133137	Nguyễn Anh Tuấn ✓	24/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNOT-3	2021-2025

Danh sách có 51 sinh viên

17. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63132249	Lê Ngọc Lượng ✓	27/09/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.KTTT	2021-2025
2	63133122	Trần Nguyễn Minh Tiến ✓	17/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.KTTT	2021-2025

Danh sách có 02 sinh viên

18. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60130793	Nguyễn Đình Thiên Phúc ✓	01/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-2	2018-2022
2	60136040	Trần Huy Long ✓	18/08/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
3	60137362	Nguyễn Khắc Trung ✓	26/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-7	2018-2022
4	61134388	Hồ Quang Thiên ✓	09/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.NNA-1	2019-2023
5	61130083	Trịnh Kim Chi ✓	15/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.NNA-5	2019-2023
6	61130116	Nguyễn Khánh Đăng ✓	15/12/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.NNA-5	2019-2023
7	61130523	Nguyễn Trúc Linh ✓	12/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.NNA-6	2019-2023
8	61130707	Võ Ánh Ngọc ✓	07/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.NNA-7	2019-2023
9	62130991	Trần Gia Linh ✓	09/09/2002	Khánh Hòa	Nữ	Khá	62.NNA-1	2020-2024
10	62130881	Nguyễn Trung Kiên ✓	29/05/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.NNA-2	2020-2024
11	62134295	Đào Duy Thuận ✓	05/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.NNA-2	2020-2024
12	62132882	Bùi Thanh Tùng ✓	31/03/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.NNA-2	2020-2024
13	62130238	Phạm Hữu Tấn Đạt ✓	13/10/2002	TP Hồ Chí Minh	Nam	Khá	62.NNA-3	2020-2024
14	62133674	Hoàng Xuân Hăng ✓	21/10/2002	Khánh Hòa	Nữ	Khá	62.NNA-3	2020-2024
15	62131720	Lê Nguyễn Giao Quỳnh ✓	12/03/2002	Phú Yên	Nữ	Khá	62.NNA-3	2020-2024
16	63130165	Nguyễn Mai Thục Đan ✓	16/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.NNA-BP1	2021-2025
17	63130624	Nguyễn Hoàng Lâm ✓	27/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.NNA-BP1	2021-2025
18	63132600	Phạm Thị Thảo ✓	25/09/2003	Đắk Lắk	Nữ	Khá	63.NNA-BP1	2021-2025
19	63132620	Nguyễn Bùi Thanh Thiện ✓	25/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.NNA-BP1	2021-2025
20	63131327	Vũ Minh Thiện ✓	19/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.NNA-BP1	2021-2025
21	63132018	Trần Thị Ngọc Hân ✓	11/10/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.NNA-BP2	2021-2025
22	63133907	Võ Ngọc Hân ✓	19/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.NNA-BP2	2021-2025
23	63132191	Nguyễn Thị Mỹ Lai ✓	17/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-BP2	2021-2025
24	63130908	Nguyễn Trần Thanh Nhã ✓	05/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-BP2	2021-2025
25	63132565	Phan Thị Xuân Thắm ✓	04/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-BP2	2021-2025
26	63131653	Trịnh Minh Tuyết ✓	26/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-BP2	2021-2025
27	63131779	Phạm Như Ý ✓	29/11/2003	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	63.NNA-BP2	2021-2025
28	63130701	Lê Mỹ Ly ✓	13/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.NNA-DL1	2021-2025
29	63131793	Nguyễn Kim Ngọc Yến ✓	30/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.NNA-DL1	2021-2025
30	63131837	Trần Quốc Anh ✓	23/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.NNA-DL2	2021-2025
31	63130194	Trần Nguyễn Tấn Đạt ✓	07/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	63.NNA-DL2	2021-2025
32	63130285	Nguyễn Kỳ Duyên ✓	03/08/2003	Khánh Hoà	Nữ	Khá	63.NNA-DL2	2021-2025
33	63130774	Phùng Ngọc Trúc Mỹ ✓	15/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-DL2	2021-2025
34	63130878	Nguyễn Thị Bích Ngọc ✓	05/05/2003	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	63.NNA-DL2	2021-2025
35	63131569	Mai Lan Trinh ✓	27/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-DL2	2021-2025
36	63136068	Nguyễn Thị Thu Vân ✓	20/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.NNA-DL2	2021-2025
37	63132057	Trần Minh Hiếu ✓	31/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.NNA-GD	2021-2025
38	62131303	Nguyễn Thị Hồng Ngọc ✓	10/09/2002	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-GD	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
39	63130880	Nguyễn Trần Bích Ngọc ✓	13/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-GD	2021-2025
40	63132601	Phan Ngọc Thảo ✓	01/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-GD	2021-2025
41	63135642	Trần Thị Huyền Thương ✓	02/11/2003	Bình Định	Nữ	Giỏi	63.NNA-GD	2021-2025
42	63130649	Lý Ngọc Linh ✓	22/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	63.NNA-SN	2021-2025
43	63130652	Nguyễn Hoàng Khánh Linh ✓	01/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-SN	2021-2025
44	63130755	Đoàn Trần Huyền My ✓	13/05/2003	Đắk Lắk	Nữ	Khá	63.NNA-SN	2021-2025
45	63130757	Lê Thị Trà My ✓	19/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.NNA-SN	2021-2025
46	63135782	Trần Thị Huyền Trâm ✓	09/11/2003	Đắk Lắk	Nữ	Giỏi	63.NNA-SN	2021-2025
47	63135914	Nghiêm Thị Thanh Trúc ✓	19/12/2003	Bình Phước	Nữ	Khá	63.NNA-SN	2021-2025
48	63136019	Lê Thị Tuyết ✓	06/11/2003	Thanh Hóa	Nữ	Giỏi	63.NNA-SN	2021-2025
Danh sách có 48 sinh viên								

19. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63130574	Nguyễn Thị Kim Khánh ✓	28/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CBTS	2021-2025
2	63136305	Nguyễn Thị My Ly ✓	23/01/2002	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.CBTS	2021-2025
3	63130959	Trần Huỳnh Yến Nhi ✓	02/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CBTS	2021-2025
4	63131732	Lê Thị Trúc Vy ✓	28/11/2003	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	63.CBTS	2021-2025
5	63133009	Nguyễn Thị Ngọc Vy ✓	13/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CBTS	2021-2025
Danh sách có 05 sinh viên								

20. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60137050	Trần Thị Minh Thư ✓	09/07/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.CNTP-2	2018-2022
2	61133124	Nguyễn Thị Mỹ Ngân ✓	08/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.CNTP-1	2019-2023
3	62132994	Hoàng Như Hằng ✓	18/07/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.CNTP-1	2020-2024
4	62134148	Nguyễn Nhật Uyên ✓	18/06/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.CNTP-1	2020-2024
5	62132010	Nguyễn Thị Mỹ Thiện ✓	27/07/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.CNTP-1	2020-2024
6	62133034	Nguyễn Bích Hợp ✓	03/09/2002	Phú Yên	Nữ	Khá	62.CNTP-3	2020-2024
7	63132023	Lê Võ Thị Mỹ Hạnh ✓	31/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CNTP-1	2021-2025
8	63134405	Phạm Thị Hồng Lam ✓	15/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CNTP-1	2021-2025
9	63132311	Nguyễn Ngọc Thúy Nga ✓	03/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.CNTP-2	2021-2025
10	63134707	Chương Hoàng Kim Ngân ✓	31/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CNTP-2	2021-2025
11	63133305	Nguyễn Quỳnh Như ✓	15/04/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.CNTP-2	2021-2025
12	63131289	Nguyễn Thị Kim Thảo ✓	24/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CNTP-2	2021-2025
13	63136257	Bùi Hoài Thương ✓	26/03/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.CNTP-2	2021-2025
14	63132749	Hồ Quốc Trọng ✓	28/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNTP-2	2021-2025
15	63132802	Cao Bảo Uyên ✓	15/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CNTP-2	2021-2025
16	61131316	Trần Khánh Trâm ✓	13/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.ATTP	2019-2023
17	61131515	Lê Thảo Vân ✓	29/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.ATTP	2019-2023
18	63133250	Mai Trần Thu Uyên ✓	08/06/2003	Bình Định	Nữ	Trung bình	63.ATTP	2021-2025
Danh sách có 18 sinh viên								

21. Kỹ thuật hoá học

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63133360	Phạm Văn Sơn ✓	23/07/2003	Đắk Lắk	Nam	Khá	63.CNHH	2021-2025
2	63133131	Nguyễn Xuân Trường ✓	13/12/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.CNHH	2021-2025

Danh sách có 02 sinh viên

22. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62132612	Lê Đăng Hải Uyên ✓	29/11/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.CNSH	2020-2024
2	63132692	Hồ Quốc Tĩnh ✓	09/04/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNSH	2021-2025
3	63131470	Bùi Nguyễn Mai Trâm ✓	30/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CNSH	2021-2025

Danh sách có 03 sinh viên

23. Kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62130460	Nguyễn Đoàn Ngọc Hân ✓	28/01/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.CNMT	2020-2024

Danh sách có 01 sinh viên

24. Khai thác thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62130114	Nguyễn Tiến Bình ✓	12/04/2002	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	62.KTTS	2020-2024

Danh sách có 01 sinh viên

25. Quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62132530	Lê Anh Tuấn ✓	28/05/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.QLTS	2020-2024
2	63133019	Nguyễn Hoàng Kim An ✓	10/08/2002	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.QLTS	2021-2025
3	63132612	Nguyễn Thị Hiền Thê ✓	21/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.QLTS	2021-2025

Danh sách có 03 sinh viên

26. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61134027	Lê Phùng Tuấn Nghĩa ✓	25/02/2001	Đồng Nai	Nam	Trung bình	61.NTTS-2	2019-2023
2	62130236	Nguyễn Thành Đạt ✓	17/06/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.NTTS-1	2020-2024
3	62133459	Bùi Thị Cẩm Vân ✓	09/04/2002	Phú Yên	Nữ	Trung bình	62.NTTS-1	2020-2024
4	62133525	Lưu Minh Bảo ✓	18/12/2002	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	62.NTTS-2	2020-2024
5	62133731	Lê Thành Hoàng ✓	26/05/2002	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	62.NTTS-2	2020-2024
6	62133070	Sử Ngọc Khải ✓	02/02/2002	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	62.NTTS-2	2020-2024
7	62131817	Kiều Tịnh Tâm ✓	21/04/2002	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	62.NTTS-2	2020-2024
8	62132393	Trương Minh Trí ✓	18/06/2002	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	62.NTTS-2	2020-2024
9	62132525	Lộ Bảo Ngọc Tứ ✓	11/07/2002	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	62.NTTS-2	2020-2024
10	63133773	Nguyễn Thành Dương ✓	18/07/2003	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	63.NTTS-CN	2021-2025
11	63133722	Nguyễn Quốc Đoàn ✓	08/10/2002	Nam Định	Nam	Khá	63.NTTS-CN	2021-2025
12	63131179	Nguyễn Trần Như Quỳnh ✓	20/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.NTTS-CN	2021-2025

Danh sách có 12 sinh viên

27. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61134623	Lê Thanh Tuấn ✓	06/03/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.CNTT-1	2019-2023
2	62133684	Võ Thanh Hào ✓	03/07/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.CNTT-1	2020-2024
3	62131020	Trương Tuấn Lộc ✓	05/02/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNTT-1	2020-2024
4	62133904	Trương Như Lực ✓	07/08/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.CNTT-1	2020-2024
5	62134138	Nguyễn Hoàng Đăng Quang ✓	24/05/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNTT-1	2020-2024
6	62134429	Sái Văn Quang Trường	23/12/2002	Hung Yên	Nam	Trung bình	62.CNTT-1	2020-2024
7	62132547	Đào Xuân Tùng ✓	25/03/2002	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	62.CNTT-1	2020-2024
8	62132711	Phạm Huỳnh Đức Vinh ✓	08/01/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	62.CNTT-1	2020-2024
9	62130312	Nguyễn Tiến Dũng ✓	31/10/2002	Hải Dương	Nam	Trung bình	62.CNTT-2	2020-2024
10	62131545	Nguyễn Đức Hoàng Phi ✓	13/07/2002	Bình Thuận	Nam	Trung bình	62.CNTT-2	2020-2024
11	62131885	Từ Công Thắng ✓	11/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNTT-2	2020-2024
12	62132003	Đoàn Duy Thiện ✓	01/07/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNTT-2	2020-2024
13	62132066	Vũ Hoài Thu ✓	25/11/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.CNTT-2	2020-2024
14	62133341	Dương Thị Thanh Trúc ✓	20/12/2002	Phú Yên	Nữ	Trung bình	62.CNTT-2	2020-2024
15	62132560	Đàm Quang Tường ✓	15/06/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.CNTT-2	2020-2024
16	62130519	Trần Văn Hậu ✓	19/05/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNTT-3	2020-2024
17	62133045	Phạm Minh Hưng ✓	29/08/2002	Đà Nẵng	Nam	Trung bình	62.CNTT-3	2020-2024
18	63133681	Nguyễn Đoàn Di ✓	27/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNTT-1	2021-2025
19	63134016	Nguyễn Chí Hiếu ✓	30/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNTT-1	2021-2025
20	63130868	Lê Phan Bảo Ngọc ✓	12/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.CNTT-1	2021-2025
21	63131025	Huỳnh Văn Phong ✓	12/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNTT-1	2021-2025
22	63135354	Hồ Đăng Tài ✓	21/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNTT-1	2021-2025
23	63135741	Nguyễn Huy Toàn ✓	14/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.CNTT-1	2021-2025
24	63130193	Trần Hàng Tổng Đạt ✓	11/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNTT-2	2021-2025
25	63133663	Nguyễn Tiến Đạt ✓	13/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNTT-2	2021-2025
26	63132291	Dương Thị Thanh Mỹ ✓	15/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CNTT-2	2021-2025
27	63132961	Võ Thùy Linh ✓	02/05/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.CNTT-3	2021-2025
28	63132887	Phạm Nguyễn Hoài Minh ✓	07/11/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.CNTT-3	2021-2025
29	63134775	Nguyễn Hữu Nghĩa ✓	16/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNTT-3	2021-2025
30	63135407	Võ Duy Thân ✓	23/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNTT-3	2021-2025
31	63131211	Bùi Chí Sự ✓	26/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.HTTT	2021-2025
32	63131425	Nguyễn Ngọc Thanh Thy ✓	22/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.HTTT	2021-2025
33	63131583	Nguyễn Tiến Trọng ✓	05/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.HTTT	2021-2025
34	62133018	Phạm Minh Hiếu ✓	08/08/2002	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	62.CNTT-4	2020-2024
35	62130683	Trần Quốc Hùng ✓	18/11/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNTT-4	2020-2024
36	62133082	Hoàng Tuấn Kiệt ✓	01/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNTT-4	2020-2024
37	62133209	Nguyễn Đình Minh Quân ✓	18/08/2002	Khánh Hoà	Nam	Khá	62.CNTT-4	2020-2024
38	62131875	Hồ Đức Thắng ✓	23/03/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNTT-4	2020-2024

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
39	63133401	Huỳnh Phúc Ân ✓	23/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.MTT	2021-2025
40	63131845	Lê Minh Quốc Bảo ✓	26/04/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.MTT	2021-2025
41	63133497	Nguyễn Quốc Bảo ✓	18/01/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.MTT	2021-2025
42	63130242	Nguyễn Anh Dũng ✓	01/10/2003	Thanh Hóa	Nam	Trung bình	63.MTT	2021-2025
43	63134007	Đỗ Minh Hiếu ✓	14/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.MTT	2021-2025
44	63131238	Võ Thị Hồng Thắm ✓	10/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.MTT	2021-2025
45	63139017	Lê Trần Ngọc Toàn ✓	04/04/2003	Ninh Thuận	Nam	Khá	63.MTT	2021-2025
46	63131601	Nguyễn Chí Trung ✓	25/03/2003	Bình Thuận	Nam	Trung bình	63.MTT	2021-2025
47	63136108	Ngô Phan Như Vinh ✓	17/03/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.MTT	2021-2025

Danh sách có 47 sinh viên

28. Hệ thống thông tin quản lý

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59130085	Nguyễn Thị Ngọc Ánh ✓	30/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TTQL	2017-2021
2	60139069	Nguyễn Đình Nhật Anh ✓	24/05/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.TTQL	2018-2022
3	60135040	Lê Minh Anh ✓	10/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.TTQL	2018-2022
4	61131916	Nguyễn Văn Minh ✓	12/08/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.TTQL	2019-2023
5	62132997	Nguyễn Thị Hạnh ✓	13/01/2002	Bắc Giang	Nữ	Trung bình	62.TTQL-1	2020-2024
6	62130625	Đinh Hữu Hoàng ✓	11/05/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.TTQL-1	2020-2024
7	62133077	Lê Văn Khoa ✓	13/01/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.TTQL-1	2020-2024
8	62131611	Nguyễn Huỳnh Đức Phương ✓	25/07/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.TTQL-1	2020-2024
9	62131789	Phạm Nguyễn Sơn ✓	13/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.TTQL-1	2020-2024
10	62133667	Phạm Thị Bảo Hân ✓	17/03/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.TTQL-2	2020-2024
11	62133008	Nguyễn Thị Ngọc Hiền ✓	31/08/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.TTQL-2	2020-2024
12	62130623	Nguyễn Minh Hoàn ✓	04/07/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.TTQL-2	2020-2024
13	62130779	Bùi Thị Khánh Huyền ✓	26/02/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.TTQL-2	2020-2024
14	62130830	Nguyễn Tuấn Khang ✓	31/03/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.TTQL-2	2020-2024
15	62131521	Phan Triều Oanh ✓	19/04/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.TTQL-2	2020-2024
16	62133202	Lê Minh Phụng ✓	30/11/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.TTQL-2	2020-2024
17	62132788	Trương Hoàng Uyên Vy ✓	15/06/2002	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	62.TTQL-2	2020-2024
18	63130410	Vì Văn Hậu ✓	06/01/2003	Hòa Bình	Nam	Trung bình	63.TTQL-2	2021-2025
19	63134140	Lương Phúc Hưng ✓	03/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.TTQL-2	2021-2025
20	63134722	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân ✓	18/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.TTQL-2	2021-2025
21	63131048	Hồ Hoàng Phúc ✓	04/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.TTQL-2	2021-2025
22	63135533	Đặng Lê Thịnh ✓	13/12/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.TTQL-2	2021-2025
23	63135574	Nguyễn Duy Thông ✓	11/08/2002	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.TTQL-2	2021-2025
24	63132701	Cao Huyền Trâm ✓	04/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.TTQL-2	2021-2025

Danh sách có 24 sinh viên

29. Luật

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	63130090	Trần Khánh Bảo	24/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.LUAT-1	2021-2025
2	63130277	Võ Thành Duy	16/10/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.LUAT-1	2021-2025
3	63133030	Trần Thị Kim Hòa	07/02/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LUAT-1	2021-2025
4	63132144	Tạ Thị Khánh Huyền	28/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LUAT-1	2021-2025
5	63134558	Lê Khánh Ly	14/07/2003	Thái Nguyên	Nữ	Khá	63.LUAT-1	2021-2025
6	63134593	Phan Duy Mạnh	28/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.LUAT-1	2021-2025
7	63133190	Nguyễn Trương Hồng Ngọc	03/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LUAT-1	2021-2025
8	63132422	Nguyễn Trần Lê Nhựt	06/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.LUAT-1	2021-2025
9	63131054	Nguyễn Hữu Kim Phúc	02/09/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LUAT-1	2021-2025
10	63130048	Nguyễn Lê Gia Anh	04/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.LUAT-2	2021-2025
11	63130256	Võ Thùy Dương	21/05/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.LUAT-2	2021-2025
12	63130357	Nguyễn Ngọc Hân	14/08/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LUAT-2	2021-2025
13	63130396	Phạm Huỳnh Thùy Hào	04/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.LUAT-2	2021-2025
14	63133367	Trần Quốc Huy	05/01/2003	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	63.LUAT-2	2021-2025
15	63132373	Phạm Thị Thu Nhân	10/03/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LUAT-2	2021-2025
16	63130999	Võ Lê Anh Nhựt	04/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.LUAT-2	2021-2025
17	63132525	Nguyễn Trần Thảo Quỳnh	05/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.LUAT-2	2021-2025
18	63133135	Nguyễn Xuân Tự	14/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.LUAT-2	2021-2025
19	63132805	Nguyễn Ngọc Uyên	01/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LUAT-2	2021-2025
20	63136071	Phan Thị Thanh Vân	02/12/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.LUAT-2	2021-2025
21	63132882	Nguyễn Thị Hoàng Yến	17/12/2003	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	63.LUAT-2	2021-2025
22	62130027	Bùi Thị Vân Anh	14/01/2002	Vũng Tàu	Nữ	Khá	62.LKT	2020-2024
23	63130118	Ngô Trần Ngọc Châu	25/08/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.LKT	2021-2025
24	63133024	Nguyễn Minh Đức	01/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.LKT	2021-2025
25	63134166	Nguyễn Thị Thu Hương	29/11/2002	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
26	63134351	Huỳnh Trần Minh Khuê	22/08/2003	Lâm Đồng	Nữ	Khá	63.LKT	2021-2025
27	63130596	Dương Anh Kiệt	29/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.LKT	2021-2025
28	63133215	Huỳnh Thị Mỹ Kiều	23/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
29	63130640	Dương Ngọc Linh	14/01/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
30	63132211	Huỳnh Thị Vương Linh	15/07/2003	Phú Yên	Nữ	Khá	63.LKT	2021-2025
31	63130699	Đậu Thị Cẩm Ly	02/08/2003	Nghệ An	Nữ	Khá	63.LKT	2021-2025
32	63130712	Phạm Ngọc Khánh Ly	04/06/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.LKT	2021-2025
33	63130762	Nguyễn Thị Hà My	26/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
34	63132285	Nguyễn Thị Trà My	20/05/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
35	63131058	Nguyễn Thị Xuân Phúc	28/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
36	63135369	Võ Thanh Tài	22/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.LKT	2021-2025
37	63135620	Trịnh Minh Thư	29/10/2003	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
38	63135817	Lê Thùy Trang	11/08/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
39	63133247	Võ Thị Thanh Trúc ✓	28/12/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.LKT	2021-2025
40	63135917	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc ✓	19/10/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
41	63131637	Châu Đăng Bích Tuyền ✓	15/10/2003	Phú Yên	Nữ	Trung bình	63.LKT	2021-2025
42	63131680	Bùi Thúy Vân ✓	14/07/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.LKT	2021-2025
43	63136054	Biện Thúy Vân ✓	23/04/2003	Khánh Hòa	Nữ	Khá	63.LKT	2021-2025
44	63139019	Phạm Thị Hải Yến ✓	20/08/2003	Ninh Bình	Nữ	Giỏi	63.LKT	2021-2025

Danh sách có 44 sinh viên

30. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61131122	Huỳnh Thanh Thiên ✓	25/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.DDT-1	2019-2023
2	61132469	Vân Duy Tùng ✓	15/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.DDT-1	2019-2023

Danh sách có 02 sinh viên

31. Kỹ thuật điện

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62139075	Trần Nhựt Đăng ✓	20/04/2002	Kiên Giang	Nam	Trung bình	62.DDT-1	2020-2024
2	62131594	Lương Quang Phước ✓	02/08/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.DDT-1	2020-2024
3	62131648	Nguyễn Duy Quang ✓	10/12/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.DDT-1	2020-2024
4	62133270	Bùi Quốc Thịnh ✓	28/11/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.DDT-1	2020-2024
5	62139081	Trần Hoàng Trọng ✓	08/02/2002	Cà Mau	Nam	Trung bình	62.DDT-1	2020-2024
6	62132526	Bùi Anh Tuấn ✓	03/02/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.DDT-1	2020-2024
7	62130181	Nguyễn Hoàng Chương ✓	02/10/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.DDT-2	2020-2024
8	62130834	Võ Anh Khang ✓	11/01/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.DDT-2	2020-2024
9	62134087	Cao Minh Phát ✓	09/05/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.DDT-2	2020-2024
10	62132238	Võ Trọng Tín ✓	12/08/2002	Phú Yên	Nam	Trung bình	62.DDT-2	2020-2024
11	63130005	Lê Văn An ✓	12/03/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.DDT-1	2021-2025
12	63133739	Nguyễn Văn Đức ✓	27/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.DDT-1	2021-2025
13	63130560	Lâm Chí Khang ✓	30/07/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.DDT-1	2021-2025
14	63134530	Trần Ngọc Long ✓	10/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.DDT-1	2021-2025
15	63130729	An Đức Mạnh ✓	28/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.DDT-1	2021-2025
16	63132964	Đỗ Thành Nhân ✓	23/03/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.DDT-1	2021-2025
17	63135372	Đỗ Khánh Tâm ✓	19/03/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.DDT-1	2021-2025
18	63131243	Nguyễn Huỳnh Thắng ✓	19/05/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.DDT-1	2021-2025
19	63132998	Phan Tấn Trúc ✓	28/03/2003	Phú Yên	Nam	Trung bình	63.DDT-1	2021-2025
20	63134249	Võ Nhật Huy ✓	23/12/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.DDT-2	2021-2025
21	63134318	Nguyễn Xuân Khánh ✓	18/09/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.DDT-2	2021-2025
22	63130732	Hà Phúc Nhật Minh ✓	30/10/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.DDT-2	2021-2025
23	63131103	Nguyễn Thắng Quang ✓	31/05/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.DDT-2	2021-2025

Danh sách có 23 sinh viên

32. Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60135830	Ngô Gia	Khánh	30/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.CNXD-2	2018-2022
2	61133893	Nguyễn Đại	Lộc	23/02/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.CNXD-2	2019-2023
3	62132231	Lê Thành	Tín	15/07/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62.CNXD-2	2020-2024
4	63131846	Lê Thái	Bảo	05/01/2002	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.CNXD-1	2021-2025
5	63130677	Nguyễn Đăng Quốc	Lộc	27/09/2003	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	63.CNXD-2	2021-2025
6	60132300	Bùi Đức	Phương	19/08/2000	Thái Bình	Nam	Trung bình	60.XDCTGT	2018-2022
7	62134251	Lê Quang Anh	Thế	03/10/2002	Quảng Trị	Nam	Khá	62.XDCTGT	2020-2024
8	63134296	Nguyễn Tuấn	Khang	28/04/2003	Khánh Hòa	Nam	Khá	63.XDCTGT	2021-2025
9	63132239	Trần Nhật	Long	22/11/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.XDCTGT	2021-2025
10	63135938	Bùi Văn	Trương	10/06/2003	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	63.XDCTGT	2021-2025

Danh sách có 10 sinh viên

C. Đại học chính quy (Liên thông từ trung cấp)

1. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61180119	Trần Thanh	Vũ	17/11/1988	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61T.KT	2019-2022

Danh sách có 01 sinh viên

D. Đại học chính quy (Bằng 2)

1. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60180078	Mai Thị	Phương	07/05/1990	Thanh Hóa	Nữ	Khá	60B.KT	2018-2020

Danh sách có 01 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2025

Theo Quyết định số 991/QĐ-ĐHNT ngày 07 tháng 7 năm 2025

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61161354	Nguyễn Nhật	Anh	05/03/2001	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	61C.KT	2019-2022
2	61161543	Trần Thị Hà	Phương	06/05/2001	Đà Nẵng	Nữ	Trung bình	61C.KT	2019-2022
3	61160461	Nguyễn Tấn	Thành	19/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61C.KT	2019-2022

Danh sách có 03 sinh viên

2. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60160306	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	18/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-2	2018-2021

Danh sách có 01 sinh viên

3. Quản trị khách sạn

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61161105	Mai Thanh	Bình	05/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61C.QTKS-3	2019-2022

Danh sách có 01 sinh viên